

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 12/7/2018

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Xuân Ninh và Ông Nguyễn Anh Văn

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Công - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/TLPT-HNGĐ ngày 10/5/2018 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”.

Do bản án dân sự số: 06/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 03 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lăn Q, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Quảng B, xã Quảng P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm S, thôn Đ, xã Đ, h. G tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Cung Văn T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: luật sư Nguyễn Thế Uyên - Văn phòng luật sư Thế Gia, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ: Xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện theo pháp luật: ông Đình Gia K - Chủ tịch UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Dạ H, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Quảng B, xã Quảng P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh

4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Quảng B, xã Quảng P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh

Do có kháng cáo của anh Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lăn Q trình bày: Chị Q và anh C kết hôn ngày 07/11/2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ trên cơ sở sự tự nguyện của cả hai bên. Sau khi kết hôn vợ chồng có về chung sống với nhau ngay. Đời sống vợ chồng ban đầu đã phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là không hợp, anh C thường xuyên có những lời lẽ lăng mạ, xúc phạm, chửi bới chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 07 năm 2016 đến nay.

Chị Q thừa nhận là trước khi kết hôn với chị, anh C đã kết hôn với người phụ nữ khác, chị không biết đã làm thủ tục ly hôn chưa nhưng chị và anh C có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã Đ.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng con chung nên chị xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Q và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 28/10/2015. Hiện cháu Đ do anh C nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ vì cháu còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ.

Chị Q yêu cầu anh C cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Q xin thay đổi, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C có yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xác định chị và anh C có tài sản chung là căn nhà cấp bốn, giá trị tại thời điểm hiện tại là 7.000.000 đồng và một hiên lát gạch đỏ giá

trị là 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 10.000.000 đồng. Toàn bộ tài sản chung này nằm trên thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1946, địa chỉ thôn Quảng B, xã Quảng P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày: anh thống nhất với phần trình bày của Chị Q về thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn trên cơ sở sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Anh C xác định trước khi kết hôn với Chị Q, anh C có kết hôn với chị H và chưa làm thủ tục ly hôn với chị H tại Tòa án. Anh C xác định anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do mẹ vợ không cho vay tiền để trả nợ nên hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 7 năm 2016, Chị Q tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Từ đó tới nay hai vợ chồng sống ly thân. Anh C mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Nếu Chị Q vẫn mong muốn ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh C thay đổi lời trình bày, anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không có phương án nào để vợ chồng về đoàn tụ.

- *Về con chung*: Anh C cũng xác định anh và Chị Q có một con chung là cháu Nguyễn Văn Đ. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đ vì Chị Q tự ý bỏ nhà đi, không quan tâm đến cháu Đ. Anh C không yêu cầu Chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh yêu cầu Tòa án chia tài sản chung khi ly hôn, gồm có: căn nhà cấp bốn, giá trị ước tính tại thời điểm hiện tại là 35.000.000 đồng và một lối đi lát bằng gạch đỏ từ sân đến nhà cấp bốn kể trên giá trị 5.000.000 đồng. Toàn bộ tài sản chung này nằm trên thửa đất của chủ hộ là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1946, địa chỉ: Thôn Quảng B, xã Quảng P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Tổng giá trị 40.000.000 đồng. Ngoài ra, không còn bất cứ tài sản chung nào khác. Anh C có nguyện vọng được chia bằng hiện vật.

Anh C xác định có nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng chi phí chi phí thẩm định và định giá tài sản nhưng anh không đóng tiền tạm ứng chi phí do anh yêu cầu chia bằng tài sản và lấy bằng hiện vật chứ không lấy bằng tiền.

Anh có ủy quyền cho ông Cung Văn T tham gia tố tụng để giải quyết phần con chung, tài sản chung của vợ chồng.

Ngoài ra, anh C xác định anh và Chị Q có vay của anh Nguyễn Văn S,

sinh năm 1977, trú tại xóm S, xã Đ, huyện Gi, tỉnh Bắc Ninh số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) vào ngày 13/12/2015 (Âm lịch), lãi suất: 300.000 đồng/tháng. Anh không đề nghị Tòa án chia công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn nhưng anh có nhận sự ủy quyền của anh Nguyễn Văn S để đòi chị Nguyễn Thị Lăn Q số tiền 15.000.000đ và tiền lãi là 3.600.000đ theo giấy vay mượn tiền đề ngày 13/12/2015 mà anh và Chị Q có nợ anh S 30.000.000 đồng, lãi suất vay là 300.000 đồng/tháng.

**Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Đại diện UBND xã Đ trình bày: Ngày 15/9/2008 anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Dạ H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Ngày 07/11/2014, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Lăn Q có đăng lý kết hôn tại UBND xã Đ. Xét thấy, anh C đăng ký kết hôn với Chị Q khi anh C vẫn có quan hệ hôn nhân với chị H. Do vậy, việc đăng lý kết hôn của anh C và Chị Q là trái luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà N và chị T trình bày: xác định có cho C và Q xây nhờ một căn nhà cấp bốn, giá trị ước tính 7.000.000 đồng và một hiên gạch đỏ, giá trị ước tính 3.000.000 đồng, tổng cộng 10.000.000 đồng. Bà N và chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 5; điểm d khoản 1 Điều 8; Điều 11; 12; 56; 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b, khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 01/2016/ TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Điểm đ, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 218, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, pháp lệnh số 10; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Khoản 3 Điều 18, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Bác yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lăn Q. Hủy việc việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Lăn Q và anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 28/10/2015 cho chị Nguyễn Thị Lăn Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp

dưỡng nuôi con chung không đặt ra đối với anh Nguyễn Văn C. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của anh Nguyễn Văn C. Anh Nguyễn Văn C được quyền yêu cầu giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng một vụ án khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 21/03/2018 anh C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trên.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Văn C thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về con chung và rút toàn bộ kháng cáo về quan hệ hôn nhân; tài sản chung và công nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo đúng trình tự pháp luật quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 289 đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của bị đơn về quan hệ hôn nhân; tài sản chung và công nợ; áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] *Về quan hệ hôn nhân; tài sản chung và công nợ:* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh Nguyễn Văn C xin rút yêu cầu kháng cáo, không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về vấn đề này. Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ đình chỉ xét xử phúc thẩm những yêu cầu trên của anh Nguyễn Văn C.

[2] *Về con chung:* anh C và Chị Q có một người con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 28/10/2015 (dưới 36 tháng tuổi), cả hai đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Anh C cho rằng Chị Q đã vi phạm trách nhiệm và nghĩa vụ của người mẹ khi bỏ đi và không chăm sóc nuôi dưỡng con

lúc còn nhỏ. Tuy nhiên lời trình bày của anh C là không có căn cứ. Chị Q khai rằng đã nhiều lần đến thăm con nhưng đều bị anh C và gia đình ngăn cấm đồng thời có những lời lẽ đe dọa xúc phạm chị. Hiện tại Chị Q đang làm việc tại Công ty cơ khí thương mại Th (BL 76) có thu nhập ổn định và điều kiện chăm sóc con. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...*", Tòa án nhân dân huyện Gia Bình giao cho Chị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ là đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của anh C không được chấp nhận.

Về yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết tại Tòa án Chị Q yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm Chị Q không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của Chị Q là hoàn toàn tự nguyện, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của Chị Q là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh C về vấn đề con chung. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm về quan hệ hôn nhân; tài sản chung và công nợ của anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Lăn Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 5; điểm d khoản 1 Điều 8; Điều 11; 12; 56; 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b, khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 01/2016/ TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

Điểm đ, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 218, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Khoản 3 Điều 18, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 28/10/2015 cho chị Nguyễn Thị Lăn Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra đối với anh Nguyễn Văn C. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung.

2. *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị Lăn Q phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 200.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2012/04939 ngày 13/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Bình. Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh C đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2015/1257 ngày 21/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Hoàn trả lại anh Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001145 ngày 14/11/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Gia Bình;
- Chi cục THADS Gia Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đắc Dũng